

BẢN LUẬN 5

Trên đã phân rõ cõi Dục lạc, dưới đây phân rõ cõi Sắc.

1. Sơ tính lự thọ Ly sinh hỷ lạc. Hiển Dương luận quyển 2 ghi: “Ly là do tu tập đối trị trừ đoạn Sở tri chướng. Sở đắc chuyển y tức là tùy theo tu mà có Vô lậu định. Vô lậu định kia đối với Dục, Khuể, Tâm của cõi Dục, chỗ chứng đắc Chuyển y vô vi gọi là Ly sinh, là từ Sở sinh này, từ Chuyển y của Sở sinh này. Hỷ là đã Chuyển y, y theo Chuyển thức, tâm khoái, tâm dưng, tâm thích, tâm điều an ổn thích với Thọ, là Sở nhiếp của Thọ, đã chứng đắc Chuyển y rồi, y theo các Thức mà Chuyển sở đắc, chỗ sinh Hỷ thọ của Khinh an gọi là Hỷ. Tuy vui năm căn cũng gọi là Hỷ lạc, vì đã Chuyển y. Y A-lại-da thức có thể nhiếp Sở y, khiến cho vui vẻ an ổn thích với Thọ, là Sở nhiếp của Thọ, tức là Khinh an và Hỷ thọ kia. Tuy không cùng với Thức thứ tám đồng thời, nhưng y theo thọ năng nhiếp của Thức thứ tám. Nướng vào thân thích khoái của Sở y gọi là Lạc, tức là Hỷ lạc này, do lia Sở sinh gọi là Ly sinh hỷ lạc.

2. Đệ nhị tính lự thọ Định sinh hỷ lạc. Định là đã Chuyển y rồi, tâm trụ một cảnh, tức là chỗ chứng đắc Định ở trước. Sinh, là chỗ sinh từ Định. Hỷ lạc thì cũng như trước, không phải như Sơ định mới lần đầu được lia, cho nên nói là Định sinh. Trước Sơ định thì chưa có Định, chỉ nói Ly sinh mà không nói Định sinh.

3. Đệ tam tính lự thọ Ly hỷ diệu lạc. Hoặc là duyên giáo pháp tăng thượng mà lia Dục trong Định thứ hai, hoặc do duyên giáo pháp kia truyền dạy làm cảnh giới, đã thấy lỗi lầm trong Hỷ tướng của Đệ nhị tính lự mà chán muốn lia nó. Diệu lạc, là đã Chuyển y rồi, lia Hỷ lia Dưng thích với Thọ, là Sở nhiếp của Thọ. Trong đây không nói Định sinh diệu lạc, vì mới lia Hỷ cho nên gọi là Ly hỷ, Lạc thù thắng cho nên gọi là Diệu lạc, vì không phải mới nương nơi Định mà sinh Lạc. Tuy Thọ của Đệ nhị định lia Hỷ lạc của Tâm tứ, vì hai thứ Hỷ lạc mới nương nơi Định mà sinh. Từ thù thắng đặt tên cũng không có lỗi.

4. Đệ tứ tính lự thọ Xả niệm thanh tịnh, không có Lạc của Vô động. Lia ba thứ Định thô nhiễm dưới, vì pháp bất động.

Nói Sơ định lia Ưu, Nhị định lia khổ của Tâm tứ. Tam định lia Hỷ. Tứ định lia Lạc và hơi thở ra vào gọi là Tịch tịnh bất động. Xả thanh tịnh, là siêu vượt qua Hỷ lạc của Tâm tứ. Trong ba Định dưới, tất cả đều động. Tâm bình đẳng tánh, Tâm chánh trực tánh, Tâm vô động chuyển mà an trụ nơi tánh. Niệm thanh tịnh là siêu qua tất cả Động của ba Định kia, tâm không quên mất mà thấy rõ tánh. Đây là hai tối thắng, cho nên

nói thiên về nó. Không xứ trong cõi Vô sắc lia sắc tướng, diệt tướng Hữu đối, dứt hết Chung chủng tướng, Thức xứ lia Không tướng, duyên Thức không vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, lia Thức vô biên tướng. Suy cầu cảnh giới trên Thức xứ, không có ít sở đắc. Trừ Vô sở hữu ra, Phi tướng phi phi tướng xứ, siêu qua Vô sở hữu tướng. Duyên cảnh giới trên Vô sở hữu xứ thì chỉ chứng đắc Tâm tâm sở Vô sở hữu cực tế, vì do tướng này mà gọi là Cực tịch tịnh. Tùy lia các chương của cõi dưới mà gọi là Giải thoát lạc. Đối Pháp luận cũng ghi: “Tịch tịnh và Dị thực, do trong cõi kia có Diệt định, tâm hạnh vi tế, không có nghiệp sắc, Quả hưởng thời gian dài, gọi là Lạc của Tịch tịnh giải thoát. Giải thoát này và Thọ của bốn Định, thân tâm kia an thích thì gọi là Lạc. Thể không phải Lạc thọ. Rộng như luận kia giải thích.

Tổng thuyết minh hơn kém sai biệt của Khổ và Lạc. Trong đó phân làm ba phần:

1. Thuyết minh sáu Xứ thù thắng.
2. Thuyết minh Thánh tài và Phi thánh tài.
3. Thuyết minh Khổ khác của thọ Dục trần.

a) Trong sáu Xứ thù thắng, có ý hiển Địa ngục từ trên đến dưới thân lượng dần dần lớn, dần dần nhu nhuyễn, dụng cụ thọ khổ dần dần nhiều, thời gian dần dần lâu hơn, chuyển không có Giảm trạch, không biết nghiệp của chính mình, ngược lại sân, ngục tốt dần dần si cho nên gọi là Vô giảm trạch. Khổ khí dần dần tăng, Khổ chuyển thù thắng. Khổ khí, là do trước kia đã tạo ác nghiệp quá nhiều, thọ khổ rộng đây, tức là lấy ác nghiệp gọi là Sở y khí, tức là Sở y thân. Do nói trên khổ thân tăng, Khổ dần dần nhiều, trong Lạc ngược lại Khổ có Giảm trạch, có thể biết các nghiệp trước kia được quả thiện hiện tại, mà càng tu thiện thêm, thì Lạc quả mới tăng. Nếu nói do Ngã tự nhiên được Lạc, không do nghiệp đời trước, thì Thiện đã dần dần nhỏ, Lạc liền mau chóng diệt mất, cho nên không phải thù thắng.

b) Trong Thánh tài và Phi thánh tài, phân làm hai đoạn gồm thuyết minh hai Thể của thô và thuyết minh hai sai biệt của tế.

Không có Tâm tứ trong tư cụ nuôi lớn thêm, là Thọ tâm sở không có Tâm tứ, không có chỗ học tập, mặc tình mà chứng đắc, chỉ muốn khiến cho thân trưởng dưỡng điều thích nhiếp thọ, gọi là Thọ.

Bánh xe đá trong không Tâm tứ, đều là dụng cụ đè ép để điều thích. Hoặc dùng đá, từ đầu đến chân lần lượt lăn xuống, khiến cho thân điều thích. Hoặc lại lấy bánh xe, quay vòng trên thân, lấy đá ném... đánh cây vào thân, mà lấy điều thích. Thể của những thứ này đều không phải

là Tâm tứ, gọi là Vô tâm tứ.

Trong tứ cụ Thanh tịnh, cỏ kiết tường là pháp của Bà-la-môn, khi muốn hành trì, thì hoặc là mắt thấy người cầm, hoặc có người đem cho. Cỏ kiết tường, Định là tướng của kiết tường. Trái tần-loa là trái tần-bà, đây là quả kiết tường. Vỏ sò là kiết tường bối, hoặc Bối (sò) tức là Loa (ốc), hoặc Loa và Bối riêng. Đây chậu, là chậu chứa đầy vật, là tướng kiết tường. Ấn Độ thấy như vậy, hoặc có người cùng với cái bè làm kiết tường, mà sinh hỷ lạc gọi là tứ cụ Thanh tịnh.

Thể của bảy Thánh tài, tùy chỗ thích ứng mà thông với Hữu lậu và Vô lậu, hoặc Đa văn hữu lậu. Xả tức là tuệ thí, hoặc thông với Xả tâm sở, vì bảy pháp thù thắng này riêng lập cho Thánh tài, không phải Thánh khởi nhiều, vì trái với bảy. Dưới đây trong sai biệt, lấy ba cõi Lạc và Bất hệ lạc làm Thánh tài, cứ theo đây mà biết. Các Thiện và Sở thiện, tất cả ba cõi và pháp không trói buộc đều gọi là Thánh tài.

- Thánh tài và Phi thánh tài, văn phân làm ba đoạn:

A. Nêu câu hỏi.

B. Mười một chữ “lại nữa” phân rõ mười lăm tướng sai biệt.

Mười chữ “lại nữa” trước mỗi chữ có một tướng sai biệt, một chữ “lại nữa” sau có năm tướng sai biệt. Mười tướng sai biệt trước là:

1. Khởi thiện hạnh và ác hạnh.
2. Sinh tội và không tội, tội là tướng đương quả ác.
3. Khấp thân và không khấp thân.
4. Thời tiết dài ngắn, ngoại duyên là dụng cụ nuôi dưỡng, nội duyên là chánh pháp của thánh đạo.
5. Địa rộng và hẹp.
6. Dẫn dài và ngắn.
7. Hữu tận và vô tận.
8. Đoạt và Bất đoạt. Đoạt tức là năm nhà xâm phạm tổn hại.
9. Trì và bất trì.
10. Túc và Bất túc. Túc là ba Thừa đã mãn Vô học đạo.

- Chữ “lại nữa” thứ mười một có năm tướng sai biệt:

1. Có Bối thí.
2. Có Oan đối.
3. Có Tai hoạnh.
4. Có Thiêu não.
5. Không thể đoạn khổ lớn của đời sau.

Trong Có thiêu não, như bệnh ghẻ phong hủi, khi gãi ngứa sinh Lạc, tựa như Lạc mà thật ra là Khổ, vọng sinh tưởng là Lạc. Thế lạc cũng

vậy. Phong hủi là bị trùng đục khoét, vọng sinh cảm giác Lạc. Phú quý cũng như thế.

C. Thuyết minh khổ khác của thọ Dục trần. Lại nữa, bên ngoài có Dục là thọ dụng Dục trần...” trở xuống, thuyết minh thọ Dục trần sai biệt. Lại có mười thứ:

1. Một chữ “lại nữa” có năm thứ sai biệt.
2. Năm chữ “lại nữa” mỗi chữ là một thứ sai biệt.
- Năm chữ “lại nữa” trước:
 1. Nhiễm và Bất nhiễm.
 2. Tất cánh và Bất tất cánh.
 3. Định và Bất định. Định là Thường thọ.
 4. Cộng và Bất cộng.
 5. Thật và Bất thật.

Quyển 4 ghi: “Ngoài tuệ mạng ra, còn có tà tuệ mạng của ngoại đạo”. Trong đây các Thọ dục, là thuyết minh Thọ thuận với ba độc. Giải thích sai biệt trước không phải là Biệt môn. Không có Giải trạch và Xả là Si.

- Năm chữ “lại nữa” sau lại có năm thứ sai biệt:
 1. Đắc và Xả sai biệt.
 2. Hỷ và Ưu sai biệt.
 3. Tấn và Thoái sai biệt.
 4. Chân và Vọng sai biệt.
 5. Chế phục và Sinh khởi sai biệt.

Hai sai biệt bốn và năm sau, tương tự hợp ngược nhau. Chánh pháp và ma quân là các phiền não. Ma quân là Thiện nghiệp và Bất thiện nghiệp. Lại nữa, trong giải thích Thọ dụng dục sai biệt, năm thứ đầu thuyết minh Thánh tuệ mạng thanh tịnh tự nuôi sống. Kinh Di Giáo ghi: “Tiết thân thời thực, thanh tịnh tự hoạt”.

“Trong đây các Thọ dục...” trở xuống, như thứ tự của nó. Các Xứ dục, ngược lại sự sai biệt của năm thọ dục thanh tịnh. Hai chữ “Lại nữa” sau hợp làm một để thuyết minh Sở thọ dục đều là không chân thật, không thể chế phục ma và các ma sự, do đó tổng gom thành một. Xét ra văn đó cũng xứng đáng. Lại nữa, giải thích mười thứ sau Tịnh uế nuôi mạng, giải thích lại mười lăm thứ Thánh tài và Phi thánh tài. Nghĩa sai biệt của hai thứ Lạc cảnh, càng không phải là Biệt môn. “Lại nữa, Thân sở y của hữu tình ba cõi làm sao quán...” trở xuống... là pháp quán thứ tư để nhàm chán ba cõi.

- Vui cầu vô lậu, văn phân làm ba đoạn:

1. Quán ba khổ.

2. “Lại nữa, nói Hỷ có ái vị”, là giải thích hai Thọ sai biệt của chỗ ưa và chán.

3. “Lại nữa, Bạc-già-phạm...” trở xuống, thuyết minh chỗ ưa Lạc, Lạc thọ hoại thì khổ cho nên là Khổ, vì khi hoại thì sinh khổ.

Khổ thọ thì Khổ khổ, cho nên là Khổ. Bản tánh đã khổ, lại gặp duyên Khổ trong Khổ khổ cho nên gọi là Khổ khổ, hoặc khổ bức bách khổ cho nên gọi là Khổ khổ. Không khổ không Lạc mà thọ Hành khổ cho nên Khổ. Hữu lậu thiên lưu gọi là Hành, tánh tự bất an gọi là Khổ. Quảng Bách luận trình bày tự tông ghi: “Khi phước diệt thì sinh khổ”. Phước báo tức là lạc thọ hết.

Ngoại đạo hỏi: Tội phước đã trái nhau, đáng lẽ khi tội sinh thì là Lạc?

Đáp: Khi phước diệt thì sinh Lạc, vì tội phước trái nhau, tức là khiến cho khi tội sinh thì là Lạc, cũng đáng lẽ khi phước diệt thì sinh Khổ, vì phước tội trái nhau. Khi tội diệt thì sinh Lạc, khi phước sinh tức là Lạc, khi tội khởi thì tức là khổ. Lấy khổ đặt vấn nạn có thể bằng như Lạc để trình bày chỗ sai biệt của nó. Khổ khổ chỉ có ở cõi Dục, Hoại khổ thông Dục và Sắc, Hành khổ thông cả ba cõi.

Hỷ có ái vị, Hỷ lìa ái vị, Hỷ ái vị thù thắng, rơi vào sự hiệp của hai cõi, ở đây có năm giải thích:

1. Có ái vị, là Hỷ của cõi Dục nhiễm. Lìa ái vị là Hỷ của cõi Dục phi nhiễm. Thù thắng lìa ái vị là cõi Sắc hỷ. Hai Hỷ trước là cõi Dục, một Hỷ sau là cõi Sắc, cho nên gọi là rơi vào sự hiệp của hai cõi.

2. Trong nhiều giới mà nói ba cõi, là Đoạn giới của cõi Sắc và cõi Vô sắc. Hai giới của cõi Dục đều gọi là cõi Sắc, có ái vị trong đây là cõi Dục hỷ, lìa ái vị là cõi Sắc hỷ, hai giới này hợp chung gọi là cõi Sắc trong ba cõi. Thù thắng lìa ái vị là Vô lậu đoạn giới nhiếp, gọi là rơi vào hai cõi.

3. Hữu ái vị là Hỷ cõi Dục, Ly và Thắng ly là Hỷ cõi Sắc. Hữu lậu định có hai thứ: một là Vị định, hai là Tịnh định. Tịnh định có bốn thứ: một là Thoái phần, hai là Trụ phần, ba là Thắng tấn phần, bốn là Quyết trạch phần. Ly ái vị là Vị định cùng với Thoái phần, Trụ phần, lìa Dục nhiễm và tâm nhiễm ô, cùng nhau nhập xuất. Thắng ly ái vị là Thắng tấn và Quyết trạch phần hợp chung, là chỗ nhiếp của cõi Dục và cõi Sắc. Cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc, như thứ tự phối hợp ba cõi, hai cõi đầu là Hỷ ái, một cõi sau là Thích khoái, nhưng chung với tên Hỷ. Như nghĩa của Lạc ở trước, ở đây là nhiều cõi trong ba cõi, chỗ nhiếp của

hai cõi trừ Đoạn giới ra. Năm thứ đầu là Hỷ của cõi Dục tại gia, kế đó là cõi Sắc hỷ, sau cùng là Hỷ của cõi Dục xuất gia, cho nên ba thứ Hỷ đều là hai cõi sau nhiếp.

Lạc tướng thọ diệt, đây là nương Trụ lạc không phải Thọ lạc, là nhập Diệt định. Sáu Thức tuy diệt, nhưng có Diệt định trụ trong thân gọi là Trụ lạc. Lại nữa, do Diệt định trụ trong thân, thì ngừng dứt các Định chướng lao lự thô trọng cho nên gọi là Trụ lạc. Lại nữa, trong năm Lạc, thì Đoạn thọ lạc này tịch tịnh mà trụ cho nên gọi là Trụ lạc, không phải Lạc của Thọ tâm sở.

Lại nữa, lìa tham sân si gọi là Thường lạc, đây đều là Đoạn giới, lìa ba Sở đắc vô vi làm tánh, không phải đoạn ba Vô lậu thọ lạc. Thế thông với Phục và Đoạn, Sở đắc vô vi.

- Thọ dụng có ba thứ:

1. Thọ dụng thọ lạc.
2. Thọ dụng ăn uống.
3. Thọ dụng dâm dục.

Thọ dụng thứ nhất là tổng, thứ hai là biệt. Hữu tình sắp sinh, là thân Trung hữu. Hữu tình đã sinh, là năm Thú hữu. Nêu ra ba cõi không mượn bốn cách ăn. Trong biệt có hai phần, là giới và thú, thô và tế. Cõi Dục có ngủ nghỉ cho nên mượn Đoạn thực, hai cõi trên thì không có.

Lại nữa, đối với hữu tình thọ sinh ở Na-lạc-ca, có Đoạn thực vi tế là trong phủ tạng có gió động nhẹ. Các đại Địa ngục đều có cách ăn này. Quyển 66 nói không có Thô thực. Luận này nói tế, là các vật thô của nó mà tiểu Địa ngục cũng có. Do các Đoạn thực trong khi biến hoại mới có thể khởi dụng, nuôi dưỡng các căn, do nhân duyên này mà thân kia được trụ lâu, không phải như Tiểu thừa khi nuốt hòn sắt, tạm trừ đói khát mà nói đó là ăn, vì không có sự trưởng dưỡng, chỉ có sự tổn hoại. Nghĩa của bốn cách rộng như Quyết trạch và Biệt chương nói. Kinh A-hàm nói tám cách ăn như Pháp Hoa số.

Thứ ba là thọ dụng dâm dục, trong đó có ba sự là Hành sự, Nhiếp sự và Sinh tướng. Trong bốn thứ Địa ngục đều không có các sự đó, hoặc có nói Bát hàn và Bát nhiệt không có, Độc nhất địa ngục thì có. Hiện tại luận này giải thích đồng Đại thừa, cũng không trái nhau.

Bốn Đại thiên vương mỗi vị đều lấy một chủ để đặt tên, cõi trời thứ Ba mươi ba thì lấy gì để đặt tên? Bốn phía của núi Diệu cao, mỗi phía đều có tám cõi trời, Đế Thích ở trong đó, cho nên cõi trời ba mươi ba vua và bề tôi đều thấy nhau. Dạ-ma thiên gọi là Thời phân, vì thọ lạc có giới hạn, Đô-sử-đa thiên gọi là Tri túc, vì thọ lạc biết đủ. Ngoài

ra hai Thiên dưới tự giải thích.

Đại lực quỷ nhiếp thọ thê thiếp, là Hữu lực quỷ thì nhiếp thọ, Vô lực quỷ thì không thể.

Bốn cõi trời dưới nhiếp thọ, hai cõi trời trên thì không có, là do đạt được Thắng quả, không sinh thủ hộ chấp làm vật của chính mình. Lại nữa, hai cõi trời kia có thể hóa thành nam nữ, cho nên sự hành Dục không có nhiếp thọ riêng, như Câu-xá ghi: “Bắc Câu-lô châu đã không có nhiếp thọ, tại sao biết có cha mẹ? Do cõi đó cây cối khi sắp hành sự, thì cành nhánh phủ che xuống mà hành sự, cành nhánh không phủ xuống thì biết cha mẹ đều hổ thẹn mà trở về”.

Cũng có vấn nạn rằng: Hai cõi trời trên đã không có nhiếp thọ, tại sao cõi đó không cùng lấy dục tà hạnh làm nghiệp đạo?

Đáp: Đối với biến hóa không có nhiếp thọ, nhưng nghiệp đạo thì có. Có hai nghiệp đạo. Hoặc cõi trời kia không có nghiệp đạo này, cũng đâu có gì sai? Ba thứ thọ dụng trên, môn thứ năm trong cõi đã nói xong.

- Kiến lập Sinh, là trong môn thứ sáu phân làm ba đoạn:

1. Thuyết minh ba loại Dục sinh.
2. Thuyết minh ba loại Lạc sinh.
3. Thuyết minh hai nguyên nhân kiến lập.

Ba loại Dục sinh: Hiện thọ dục trần sinh; Tự biến dục trần sinh; Địa hóa dục trần sinh. Dục là tham dục, nương theo diệu cảnh mà khởi tham. Đây là lấy Sở tham cho nên gọi là Dục trần. Sinh là chúng sinh, là chúng sinh ưa Dục trần, còn lại đều căn cứ theo đây mà biết. Cảnh nẻo ác thì ngược lại cho nên không kiến lập ba thứ Lạc sinh. Như văn tự rõ.

Ba mong cầu, là mong cầu đối với Dục sinh, mong cầu đối với có quả. Phạm hạnh cầu Phạm gọi là ba mong cầu. Phạm là Niết-bàn.

Cầu cảnh giới Vô lậu, là cầu phạm hạnh chân chánh, Đệ tứ thiên bất động và bốn cõi Sắc là cầu tà hạnh. Cầu sinh Đệ tứ định trở lên, không chấp làm Niết-bàn, là Thiếu dục cho nên không nói ba mong cầu. Lược lấy năm môn để phân biệt, như Biệt chương nói. Đối Pháp luận quyển 6 cùng với luận này không đồng, như Biệt chương nói.

Trong môn thứ bảy, du hí quên niệm, ý tương tác sinh giận, đây là Tứ không cứ thiên của cõi Dục. Hai cõi trời dưới thuộc về cầu có chữ “đều”, bị Phi thiên sát hại. Hai thuyết của Tát-bà-đa tông thì hoặc là Tứ thiên vương thiên nhiếp, hoặc là ba mươi ba cõi trời nhiếp. Luận này thì không phải như vậy.

Câu thứ ba của nó, tức là chúng sinh ấy ở trong giai vị đã sinh, nếu không phải ở Yết-la-lam vị, khi đến giai vị đã sinh thì Thấp sinh và Hóa sinh đều là câu này, văn này thuận với văn trước. Lại nói “chúng sinh đã sinh và giai vị đã sinh”, văn này thì hẹp, vì không phải chỉ có giai vị kia mà thôi.

Sứ giả Như Lai. Như có người nữ trước đã mang thai, Phật thọ ký là thai nam, sau đó vào giai vị chưa sinh thì người nữ mạng chung, ngoại đạo hủy báng Phật nói không linh nghiệm. Đến ngày hoả thiêu người nữ, Phật sai sứ giả vào lửa bồng con, mẹ tuy chết nhưng đứa con không chết, sứ giả vào lửa bế đứa con ra, do Phật lực gia trì, lửa không thiêu cháy sứ giả. Phật đã thọ ký đứa con, không thọ ký người mẹ.

Trụ thân sau cùng là thân Phật và các A-la-hán trụ thân sau cùng, có Hóa thân hóa thiêu, mặc tình tự diệt, không phải là hai thứ hại. Ca-lưu-đà-di bị người khác sát hại, để nơi đồng phân ngựa, sau đó khởi thân thông mới nhập tịch diệt, cho đến rộng nói, thân Trung hữu cũng vậy. Sự như vậy trong các loài trùng và tiên nhân có rất nhiều.

- Phần thứ tám luận về quả, nhân, duyên có hai phần:

1. Nêu bốn môn.
 2. Tùy giải thích riêng.
- Đây là phân rõ ba pháp:
1. Mười nhân.
 2. Bốn duyên.
 3. Năm quả.

Trước hết là nhân gần, kế đó là lập thù thắng. Lực ở xa gọi là hoà hợp. Lực bên trong có bảy đức.

Không có chướng ngại sự nghiệp nghĩa là biết nhiều sự nghiệp gọi là chướng ngại sự nghiệp. Do nhiều tư giác, phát các ngữ nghiệp, nhiều nương trong tâm, si tu Thiện phẩm, gọi là chướng ngại sự nghiệp, không có sự chướng này thì gọi là không có chướng ngại sự nghiệp. Lực bên ngoài có năm đức, có thí chủ trợ cấp mới được tu tập, cho nên nói thí chủ là lực bên ngoài. Trụ chánh pháp là tùy thuận làm bạn tốt, không làm bạn tốt thì không làm chướng nạn.

Trong phần pháp gì thành tựu? Là thắng giải ái lạc sở tri làm thành trước hết, tức là Nhân Minh ghi: “Tùy tự lạc làm thành”. Đây là lấy Tự tánh sai biệt mà làm Sở lập, Tông thì làm Kiến lập.

Trong phần Thành biện cũng ái làm thành trước hết, do thực mà trụ. Đây là có ý nói, do Ái của quá khứ làm thành trước hết, thân hiện tại làm thành kiến lập, giả mượn hữu tình an trụ.

Trong phần tác dụng thì Chung tử của tự thân làm thành trước hết, như Sinh này làm thành kiến lập. Hiển Dương luận quyển 18 ghi: “Tức là Tiền sinh của nó làm kiến lập, duyên của Tiền sinh hoà hợp”. Có ý hiển tánh của Sinh cùng với Duyên của Sinh đều là nghiệp đời trước cho nên gọi đó là làm thành trước hết. Cùng với luận này không trái nhau.

Nghĩa của mười Nhân, bốn Duyên và năm Quả, đều như quyển 38 sau đây. Hiển Dương luận quyển 18, Đối Pháp luận quyển 4, Duy Thức luận quyển 7, 8 luận và sơ giải thích.

Dưới đây đã thuyết minh y xứ của nhân đắc quả của duyên, tức là tự giải thích Y xứ của nhân duyên. Thể năm quả của nó tôi nay đang nói.

Quả Dị thực, lấy tất cả chỗ chiêu cảm năm Uẩn Vô ký của nghiệp làm Thể. Biệt báo từ nơi tổng báo, tổng báo gọi là Dị thực.

Quả Đăng lưu, lấy ba tánh Tự loại Đồng phẩm của tất cả Hữu vi, Hữu lậu và Vô lậu, nhóm trước của Liệt pháp, sinh Quả sau của Đồng phẩm Thắng pháp sau làm tánh. Du-già, Duy Thức đều cũng nói, hoặc tương tự nghiệp đời trước mà quả sau tùy theo chuyển, như do sát sinh thì bị đoản mạng. Đây thật ra là Tăng thượng, mượn gọi là Đăng lưu. Đoản mạng cũng đồng như vậy.

Quả Ly hệ, lấy quả sở đắc, sở chứng Trạch diệt chân như của đoạn Phiền não chương làm tánh. Sở đắc Trạch diệt của đoạn Sở tri chương chỉ là Tăng thượng quả, Thể sở đoạn của chương không phải là pháp trói buộc. Chỗ đắc sáu hạnh cũng do Tăng thượng nhiếp, vì không đoạn Chung tử.

Quả Sĩ dụng, có hai nghĩa:

1. Năm uẩn giả, là bốn trần do tác dụng sở đắc làm tánh. Quyển 38 ghi: “Chiêm bốc việc đồng áng làm Thể tánh”.

2. Lấy chung tất cả Hữu vi và Vô vi làm thể tánh, riêng riêng từng pháp gọi là Sĩ phu, điều này có thể chiêu cảm được Câu sinh vô gián, không sinh bốn thứ quả.

Quả Tăng thượng, lấy tánh của tất cả Hữu vi và Vô vi làm tánh, thông rộng. Lược nêu Thể đã xong, ngoài ra như Biệt chương nói.

- Trong Kiến lập có ba thứ:

1. Lập Y xứ của nhân, duyên, quả.

2. Giải thích nghĩa của nhân, duyên, quả.

3. Có ba chữ “lại nữa”, hiển lại kiến lập Nhân, trong phần đầu tức là phần thứ ba. Y xứ danh, là Nhân của ngữ tức là Y xứ cho đến Vô

chương ngại là Y xứ, đều là giải thích theo Trì nghiệp. Đã nương vào Y xứ tức là tùy theo thuyết Kiến lập nhân, tức là Nhân cho đến không trái với Tức nhân, cũng đều là giải thích theo Trì nghiệp, hoặc có cái không như vậy. Như Biệt chương giải thích.

Thế là Y xứ, nghĩa gọi là Nhân, nghĩa nương Thế mà lập, cho nên nói mười Nhân nương mười lăm Xứ. Nêu Thế tánh, đầu tiên là Y xứ ngữ nhân, Thế chỉ là Ngữ. Thành Duy Thức ghi: “Nói pháp gọi là chỗ khởi Ngữ tánh của Tướng. Do tùy theo Kiến, có thể nói nhiều nghĩa, thì Ngữ này gọi là Nhân, vì hiển Quả của nghĩa”. Trên thế của Ngữ có dụng Năng thuyết, Thế làm y xứ, Dụng thì gọi là nhân, cho nên nói tùy theo Thuyết nhân nương Ngữ nương Xứ mà lập. Quan sát ý của đoạn văn này, chợt giống như Ngữ của Y tha, tự ngôn thuyết chuyển, lý thật ra không phải như vậy. Ngữ trước là Y, Ngữ sau là Nhân, lấy Ngữ để nói đối với chỗ thấy nghe, gọi là Nhân. Nương theo Tướng mà khởi Ngữ, gọi là Y xứ, muốn hiển Y nhân, chỗ mong vọng của mỗi mỗi đều riêng khác.

Y xứ của Thọ, đây là Sở quán chờ Năng thọ và Sở thọ làm tánh. Năng thọ là Thọ tâm sở, Sở thọ là hết thủy pháp. Thọ là Biến hành, có thể lãnh nạp phần vị sai biệt của Cảnh, vì thù thắng hơn pháp, cho nên đối với Sở thọ thì riêng lập làm tánh. Hữu đắc năng thọ mà có Sở thọ, lấy Năng thọ làm Y xứ. Hữu đãi sở thọ mà có Năng thọ, lấy Năng thọ làm Y xứ. Hữu đãi năng thọ mà có Năng thọ, lấy Sở đắc làm Y xứ. Hữu đãi sở thọ mà có Sở thọ, cũng lấy Sở đãi làm tánh của Y xứ, tổng lấy Năng đãi là Quả của Nhân, tức là lấy nghĩa này giải thích văn của luận này, vì lấy Đãi sở quán mà làm Nhân, cho nên Duy Thức ghi: “Đãi sở quán làm tánh của Năng thọ và Sở thọ”. Trong đây luận rằng: “Đối với Sinh duyên kia, đối với Đoạn duyên kia, hoặc là xa lìa, hoặc là cầu được. Đẳng là xa lìa với Sinh duyên kia và cầu được với Đoạn duyên kia”. Văn của luận chỉ có hai nhân Nhiễm và Tịnh, lược bỏ không có Vô ký.

Y xứ của Tập khí, lấy chỗ Thật chủng và Giả chủng trong ngoài ở vị chưa thành thực của Hữu lậu và Vô lậu mà làm tự tánh, vì quả của quá khứ thì xa. Văn này chỉ nương vào Chủng tử tạp nhiễm mà nói. Tịnh nghiệp và Bất tịnh nghiệp dẫn quả trong ngoài, không nương vào nhân thanh tịnh Vô ký mà nói, Duy Thức thì thông rộng. Y xứ hữu nhuận, Thế đồng với Tập khí, chỉ có Thành thực vị, cùng với chỗ nói trước không đồng. Ở đây cũng chỉ nói nhiễm, trong nhiễm chỉ nói nghiệp, không nói Chủng tử của Danh ngôn, vì nương theo trước để nói, nên cũng giống

như phần Nhiếp thọ nhân trong Duy Thức.

Y xứ của cảnh giới Vô gián diệt, tức là hai Duyên. Căn là sáu căn, Y là Dụng y, là Tác cụ Tác nghiệp, tức là trừ Nhân duyên ra, ngoài ra thì trợ giúp xa. Tác cụ tác dụng là Sĩ dụng y, vì trừ Nhân duyên ra, thì thân cận làm Hiện duyên. Tác là tác dụng, năm thứ này đều thông với Hữu lậu và Vô lậu, cho nên Duy Thức ghi: “Nhiếp thọ đủ sáu thứ để phân rõ pháp Vô lậu”. Ở đây chỉ nói Hữu lậu, vì phân rõ pháp Hữu lậu.

Y xứ của Chân kiến, lấy Vô lậu kiến làm tánh, trừ Dẫn tự chủng ra, đối với pháp tương ứng thì Năng trợ, đối với Hậu vô lậu thì Năng dẫn, đối với Vô vi thì Năng chứng, cho nên duyên xa nhiếp thọ, đều là trừ Chủng tử ra.

Y xứ của Tùy thuận, lấy ba tánh Hữu vi, Hữu lậu và Vô lậu, hoặc Hiện hành hoặc Chủng tử, hoặc Tự giới hoặc Tha giới, hoặc Đồng phẩm Thắng phẩm, hoặc Hữu vi Vô vi, hoặc tự tánh Sinh, hoặc tự thừa tương dẫn và Năng dẫn làm tánh. Trong đây luận ghi: “Dục trói buộc thiện pháp, có thể dẫn cõi Vô sắc trói buộc pháp và không trói buộc pháp, đây là y theo Ba-la-mật-đa của Thanh văn Độc giác, các đại Bồ-tát và các vị siêu Thiên chứng đắc Tương dẫn sinh. Đối Pháp luận quyển 5, Hiền Dương luận quyển 18 thừa nhận Tương sinh, dưới đây quyển 12 chỉ nói Bồ-tát ở kiếp thứ ba và Như Lai có thể siêu tất cả Địa, cứ theo thù thắng mà nói, thì cũng không trái nghịch. Lại nữa, nói pháp Vô ký có thể dẫn ba tánh, gọi là Tùy thuận. Y xứ là các Chủng tử, sơ lược có hai tánh, nhiếp Dụng quy về tánh, có thể nói Vô ký sẽ là Nhân thuộc Quả, thì tánh mới thông cả ba. Duy Thức y theo nghĩa sau nói tánh của Y xứ này, chắc chắn là đồng. Hiện tại y theo nghĩa trước, Vô ký sinh ba tánh, ngoài ra đây, Chủng tử của các pháp Hiện hành mong Chủng tử thì càng không có tánh riêng, vì trở thành Tùy thuận nhân. Văn của luận kia và luận này không trái nghịch nhau. Y công năng sai biệt lấy tất cả Hữu vi đều đối với tự quả, Hữu vi có thể khởi, Vô vi có thể chứng mà làm Tự tánh. Đây là những thứ Đồng tánh và chứng đắc Dị tánh, vì quả Dị thực Vô ký. Hiện tại tổng thuyết của luận này không trái với các văn khác. Tùy thuận y ở trước, luận về tánh thì hẹp, vì mỗi mỗi đều là tự tánh, bàn về cõi thì rộng, vì dẫn ba cõi. Y sai biệt này luận về tánh thì rộng, vì chiêu Dị thực, bàn về cõi thì hẹp, vì chỉ có mỗi mỗi đều là Tự giới, mỗi mỗi đều nhất định khác nhau. Y tùy thuận ở trước, thì mong yếu không phải Y, Y sai biệt này thì tất cả đều chứng đắc.

Y hoà hợp, lấy Lãnh thọ y cho đến công đức sai biệt của Y xứ làm

Thể, đây là nói quả rộng thông sinh Hoà hợp, cho nên Duy Thức nói nhân quả đều rộng, luận đó nói Sinh trụ và Thành chứng đặc bốn Quả. Thành có hai thứ gồm lập và phân tích. Nhiếp thành biện này không có tác nhân. Trụ là Kim luân nương Phong luân, chỗ không có của luận này, nghĩa mỗi mỗi đều khác, chỗ mong đều khác, luân này nương vào tác dụng, lia thể vì không có, cho nên không luận. Vô trụ này thì xa, cho nên không luận cũng không trái nhau. Hai quả Chương ngại và Vô chương ngại đều thông cả hai. Nhân rộng khắp có thuận nghịch khác nhau, pháp thể đều đồng. Nhân nương vào Xứ, như luận tự trình bày. Thể của Xứ đã như thế, thì Nhân có thể hiểu rõ. Nương vào Duyên của Chứng tử và nương vào Xứ mà thi thiết Nhân duyên, theo Duy Thức có hai thuyết:

1. Trong mười năm Y xứ, thứ ba là Tập khí, thứ tư là Hữu nhuận, mười một là Tùy thuận, mười hai là Sai biệt, mười ba là Hoà hợp và mười lăm là Bất chương ngại. Trong sáu Y xứ này, các Chứng tử của nhân duyên đều gọi là Chứng tử duyên y xứ. Y theo đó lập nhân duyên, trừ thứ ba và bốn ra, còn lại bốn Y xứ, chỗ có Hiện hành phần nhiều là Đoạn cho nên không nói. Hoặc cũng là Chứng tử, có thể phân rõ quả. Vô gián diệt, là trong các Y xứ, thứ năm là Vô gián diệt, thứ mười là Chân kiến, mười ba là Hoà hợp, mười lăm là Bất chương ngại. Trong bốn Y xứ này, nghĩa của Vô gián duyên đều gọi là Y xứ vô gián diệt, nương vào đó mà lập Đẳng vô gián duyên. Cảnh giới y xứ, là trong Y xứ này, thứ sáu là Cảnh giới y xứ, thứ mười là Chân kiến, mười ba là Hoà hợp, mười lăm là Bất chương ngại. Trong bốn Y xứ này, Cảnh giới duyên nghĩa, đều gọi là Cảnh giới y xứ, nương vào đó mà lập Sở duyên duyên. Hai Duyên này không phải chỉ có năm hoặc sáu Y xứ. Ngoài ra trong Y xứ có hai Duyên, trừ hai Duyên này ra thì các Xứ khác đều là Tăng thượng duyên.

2. Chứng tử chỉ thuộc Hữu nhuận chứng tử y thứ tư, y theo đó mà lập Nhân duyên, Cận năng sinh quả hiển thị cho nên thiên nói về nó, các Danh khác thì xa và ẩn, lược bỏ không luận. Vô gián chỉ có cảnh giới thứ năm, chỉ có Thức thứ sáu, như Danh tự hiển bày. Ngoài ra trong Y xứ, tuy có hai Danh này, nhưng ẩn cho nên không nói. Ba Danh này đã hiển ba duyên đầu, ngoài ra mười hai Xứ đều là Tăng thượng duyên nhiếp, không phải chỉ có Tăng thượng y.

Tập khí tùy thuận Y xứ của Nhân duyên mà thi thiết quả Dị thực và Đẳng lưu. Duy Thức phối hợp riêng, trong đây luận rằng: “Y xứ của Tập khí chứng đặc quả Dị thực, Y xứ của Tùy thuận chứng đặc quả Đẳng

lưu, mỗi mỗi đều riêng đặc quả, có công năng thù thắng cho nên lia Biệt thuyết, không phải Y xứ của Tập khí không chứng đặc quả Đẳng lưu, Duy Thức giải thích điều này trong Đặc năm quả có hai thuyết:

1. Tập khí xứ, tức là hiển thứ ba, thứ tư, mười hai, mười ba, mười lăm. Năm Y xứ này chứng đặc quả Dị thực. Tùy thuận xứ, tức là hiển thứ ba, thứ tư, thứ chín, mười, mười một, mười ba, mười lăm, hoặc gồm thứ chín là Tác dụng. Như vậy hoặc thứ tám thứ chín, các Y xứ này chứng đặc quả Đẳng lưu. Chân kiến xứ, tức là hiển thứ mười, mười một, mười hai, mười ba, mười lăm, hoặc thứ tám thứ chín. Như vậy hoặc thứ năm, thứ bảy, các Y xứ này chứng đặc quả Ly hệ. Sĩ dụng y xứ lại có hai nghĩa là năm Uẩn giả và Biệt biệt pháp. Như trước đã nói trong quả. Hoặc y theo nghĩa thứ nhất năm Uẩn giả, tức là hiển thứ hai, thứ chín, mười ba, mười lăm. Tứ Y xứ này chứng đặc quả Sĩ dụng. Hoặc y theo nghĩa thứ hai Biệt biệt pháp, tức là hiển thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ tám, thứ chín, mười, mười một, mười hai, mười ba, mười lăm. Mười Y xứ này chứng đặc quả Sĩ dụng. Các Y xứ còn lại thì hiển thứ nhất, thứ năm, thứ sáu, mười bốn, bốn Y xứ này toàn đủ, còn lại trong mười một Y xứ kia thì tùy theo chỗ thích ứng mà là phần ít chứng đặc quả Tăng thượng, chứng đặc chỗ ngoài các quả trước. Nếu không như thế thì liền ứng với quả rộng và quả hẹp.

2. Tập khí chỉ có Y xứ thứ ba chứng đặc quả Dị thực. Tùy thuận chỉ có Y xứ thứ mười một chứng đặc quả Đẳng lưu. Chân kiến chỉ có Y xứ thứ mười chứng đặc quả Ly hệ. Sĩ dụng chỉ có Y xứ thứ chín chứng đặc quả Sĩ dụng. Chỗ còn lại mười một Y xứ chứng đặc quả Tăng thượng. Hoặc tùy theo nghĩa tăng thêm mà Danh của nó sau đó hiển bày. Riêng nói các Y xứ chứng đặc quả, không phải các Y xứ còn lại không chứng đặc. Nguyên nhân chứng đặc quả và các Nghĩa môn, luận này và Biệt chương đều như luận kia nói.

Trong giải thích Danh, Thể và Dụng không trái nhau, mà có thể trường dưỡng cho Danh kia. Thuận ích là Nhân, do hưng tế và kiến lập là Duyên. Giả nhân dựa vào Sở thành và Sở biện của Duyên, là làm nghĩa của quả.

Có ba chữ “lại nữa” trong giải thích kiến lập Nhân:

1. “Lại nữa” thứ nhất, nương vào nhân đối với quả mà có nghĩa gần và xa.
2. “Lại nữa” thứ hai, nương vào nhân đối với quả mà có nghĩa nhiệm và tịnh.
3. “Lại nữa” thứ ba, nương vào nhân đối với quả mà có nghĩa của

bảy tướng.

Trong “Lại nữa” thứ nhất, Năng sinh nhân và Phương tiện nhân nhiếp hết mười nhân. Duy Thức có hai thuyết:

1. Khiên dẫn, Sinh khởi, Dẫn phát, Định dị, Đồng sự và Bất tương vi. Trong sáu nhân này, hoặc Hiện hành hoặc Chủng tử đều gọi là Năng sinh Cận biện quả. Chỗ ngoài bốn nhân và sáu duyên, thì có ít phần đều là Phương tiện nhân ở xa mà trợ khởi.

2. Chỉ có Sinh khởi nhân gọi là Năng sinh nhân, còn lại chín nhân gọi là Phương tiện nhân, vì thân cận sinh khởi quả quá khứ mà nói thiên về nó, không phải chỉ có nhân duyên, còn lại phần nhiều là ở xa mà trợ giúp, cho nên nói thiên về nó. Nhưng Bồ-tát địa ghi: “Khiên dẫn và Sinh khởi, hai Chủng tử này gọi là Năng sinh nhân, còn lại là Phương tiện nhiếp”. Luận kia cũng có hai thuyết, sợ phiền mà không nói, cho nên hai nhân này nhiếp hết các pháp. Ba nhân sau là hiển lại hai nhân này đều có một Chủng tử. Hiển Phương tiện nhân ở trước, tuy nhiếp ba duyên, nhưng Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên, cả hai đều là Câu hữu. Luận căn cứ theo Tăng thượng duyên, mà nói như Nhân thức... lược bỏ không luận. Nghĩa hiển Phương tiện nhiếp hết ba duyên, Năng sinh nhân của nó tuy là tánh của nhân duyên, nhưng ẩn khó thấy. Bị nhuận khắp trở đi Chủng tử chứng đắc quả gọi là Vô gián nhân, đồng thời Vô gián, không phải trước sau Vô gián. Hoặc bị nhuận đã chuyển thành Hữu chi mong Sinh chi sau, cũng thành Vô gián diệt. Chưa nhuận trở về trước gọi là lâu xa, do cách Nhuận vị, quả của nó mới sinh. Năng dẫn và Sở dẫn, mong quả ở xa gọi là Cữu viễn nhân duyên.

Trong “Lại nữa” thứ hai, lưu chuyển tức là Sinh tử nhân, đây là có Khả ái, Bất khả ái và Tăng trưởng. Hoàn diệt gọi là xuất thế, cũng có Khả ái và Tăng trưởng. Khả ái và Bất khả ái là Hữu chi nhân. Tăng trưởng là Danh ngôn nhân, vì do Hữu chi tăng trưởng, hoặc trước chưa có mà nay có, gọi là Khả ái và Bất khả ái. Trước có mà nay gặp Nhuận, gọi là Tăng trưởng nhân.

Trong bảy Tướng, tức là sáu nghĩa của Chủng tử:

1. Vô thường là nhân, tức là sát-na diệt, vì có lấy và cho. Đây là phân rõ nhân duyên, cho nên trừ Vô vi.

2. Tha tánh làm nhân, tức là quả Câu hữu, đồng niệm mà sinh, cùng với tự tánh của niệm sau làm nhân, tức là hằng tùy chuyển, không phải sát-na này sinh, đây là nhân thứ hai nhiếp nghĩa thứ hai thứ ba trong sáu nghĩa.

3. Đã sinh mà chưa diệt mới có thể làm nhân, là hiển cùng với

quả Câu và Hằng tùy chuyển, cả hai làm cùng đời, không đồng với tông của Tiểu thừa hai nhân đối với chánh khi diệt và ba nhân đối với chánh khi sinh. Quả Thủ và quả Dữ của Đại thừa thì chắc chắn là cùng đời, vì không phải hiện tại.

4. Nhưng chờ các duyên khác, tức là nghĩa thứ năm trong sáu nghĩa chờ nhiều duyên.

5. Nhưng Biến dị là hiển chờ duyên ở trước, mà bản tánh Dị mới có thể sinh quả, lại càng không có nghĩa riêng.

6. Công năng tương ứng, tức là nghĩa thứ tư tánh Quyết định trong sáu nghĩa.

7. Tương xứng và Tương thuận, tức là nghĩa thứ sáu dẫn tự quả trong sáu nghĩa.

Như vậy tổng nêu, trong đây tướng thứ ba và tướng thứ năm không có trong sáu nghĩa, còn lại năm tướng tức là sáu nghĩa kia. Như Duy Thức quyển 2, nhiếp luận quyển 2 số, Xu Yếu hội thích.

Từ trên đến đây, giải thích trong Địa này, Sơ giới môn đã nói xong. Môn thứ hai trong giải thích tướng, duyên Danh thân làm Cảnh, là Duy Thức có hai thuyết:

1. Năm Hữu, hiện tại luận này nói là Ý đồng thời với Cảnh, vì thù thắng cho nên không phải năm Thức không có.

2. Chỉ có Ý thức đồng thời. Văn này làm chứng, chỉ nói các nghĩa duyên Danh, không nói duyên Sắc.

Tâm tứ dấy khởi gọi là phát ngữ ngôn, là chỉ hiển Tâm tứ có thể phát ngữ ngôn, không phải nói ngữ ngôn chắc chắn là Tâm tứ dấy khởi. Nói rằng thân nghiệp và ngữ nghiệp trong Thân Phật, không do Tâm tứ, mà chỉ do Tuệ khởi. Như nói Tâm tứ có thể khởi năm Thức, không phải năm Thức khởi chắc chắn là do Tâm tứ, cho nên Duy Thức ghi: “Hiển phần nhiều là do Tâm tứ khởi, không phải nói Tâm tứ tương ứng”.

Hỏi: Tâm tứ dẫn Dục, có hai thứ Dẫn là năm Hữu và năm Phi, Tâm tứ dẫn Dục của thân nghiệp và ngữ nghiệp cũng là Dục của Hữu và Phi hay không?

Đáp: Câu vấn nạn này không đồng. Dục của thân nghiệp và ngữ nghiệp thì thô, khởi thì do hai thứ Dẫn. Dục của năm Thức thì thông với tế, Hữu khởi không do Sinh, hoặc đều không có lỗi. Dục của năm Thức do hai thứ Sinh, Hữu sinh không do Dẫn, Dục của nghiệp do hai Dẫn, Hữu khởi không do Sinh.

Tâm tứ trong Sai biệt, Duy Thức quyển 7, có nghĩa của hai Sư, một là y theo Đối Pháp luận, một là y theo văn này. Rộng như luận kia

nói.

Tâm tứ trong Quyết trạch, thì các Tâm tứ chắc chắn là Phân biệt. Duy Thức quyển 7 cũng có hai Sư:

1. Phân biệt chỉ có Phân biệt của Hữu lậu trong năm pháp, cho nên Thể của Tâm tứ không thông với Vô lậu.

2. Phân biệt thông với Vô lậu Hậu đắc trí, vì Câu hữu Phân biệt, tức là Thể của Tâm tứ, cũng thông với Vô lậu. Hai chữ Phân biệt này không phải là Phân biệt trong năm pháp. Lấy hẹp để hỏi rộng, thuận theo câu trước để đáp, cũng rộng như luận kia nói.

Tâm tứ trong Lưu chuyển, Tâm tứ của Na-lạc-ca dẫn phát đối với Khổ, cùng với Ưu tương ứng. Duy Thức có hai thuyết:

1. Năm Thức có Tâm tứ, Ý cảm thọ gọi là Ưu, đây là nói dẫn phát Khổ, là Ý đồng thời với Tâm tứ có thể dẫn phát Khổ, không nói năm Thức không có Tâm tứ câu, chỉ nói Ý thức của Tâm tứ, thù thắng phần nhiều là tương tục, không ngăn trách Khổ câu, cũng không có lỗi.

2. Năm Thức không có Tâm tứ, văn này làm chứng, như văn có thể hiểu. Không nói Xả, là tất cả Tâm sở quyết định cho đồng thời. Ý bức bách thọ, thật ra là Khổ căn, tương tự Ưu gọi là Ưu. Hoặc tùy theo ý của tông khác thì Thích thọ gọi là Ưu, không trái nhau.

Hỏi: Hỷ, Lạc, Tịch và Động cùng với Sơ định chứng đắc Câu sinh, Tịch và Động của Ưu và Khổ khác nhau, Địa ngục chứng đắc Câu khởi hay không?

Đáp: Trợ cho Sắc và trợ tâm thích khoái riêng, không trái với chứng đắc Câu khởi. Bức bách nặng bức bách nhẹ khác với bức bách lo lắng trái nhau, mỗi mỗi đều chuyển riêng.

Hỏi: Hai nghĩa Thường thì đồng nhau, nghĩa Câu sinh thì không đồng, cho nên đối với nghĩa này đáng lẽ là bày thêm một nhọc?

Đáp: Địa của Sơ tĩnh lự là Hỷ tương ứng. Tuy cũng là Lạc câu nhưng không là Khổ, cho nên tổng nói Hỷ gọi là Địa.

Đoạn văn lớn thứ ba, trong Như lý tác ý, văn phân làm hai phần:

1. Khai mở tám Tướng. 2. Giải thích nghĩa khó trong các sự trước.

Sáu Y xứ của nó, quyển 55 ghi: “Khi quyết định có Tín, khi ngưng dứt nhiễm thì có Tàm quý dấy khởi, khi tạo thiện nghiệp thì có Tinh tấn ba căn, khi tại thế gian đạo thì có Khinh an, khi tại xuất thế gian đạo thì có Bất phóng dật và Xả, khi nhiếp chúng sinh thì có Bất hại”. Duy Thức quyển 6 có hai thuyết:

1. Khi các thiện không đồng thời, lấy đây làm chứng.

2. Khi các thiện đồng thời thì Tán vị trừ Khinh an. Quyết Trạch

phần ghi: “Tâm sở của mười Thiện, Định địa và Bất định địa, đều thông với thiện tâm, vì trong tâm Định địa tăng thêm Khinh an. Hiện tại luận này nói sáu Vị khởi mười một Thiện, là nương vào các thiện kia tăng mà tạo các thuyết này. Tu thứ ba trong tám Chủng là bốn Vô lượng. Tu thứ sáu trừ Vô lượng ngoài tất cả Tu khác. Ba sự đầu trong tám Sự này, ba sự phước nghiệp Thí, Giới và Tu, ngoài thế tục tu, ba sự kế đó là Thắng nghĩa tu trong ba Tuệ. Thức thứ bảy và Thức thứ tám, Trí đức và Ân đức, hai Lợi viên mãn, cho nên chỉ có tám Sự.

Trong Thọ dụng của Tâm tứ, không nhiễm là không sinh phiền não, không trụ là không trụ lấy cho, không đam chấp là phân Ái và Lạc, không rộng khắp là không bị hệ phược, xả các thiện nghiệp. Không buồn bức là không sinh Ưu khổ, không chấp trước là không sinh tham ái, cũng không cố chấp, là các Thắng diệu có giải thích bảy loại này chỉ có Ý thức có đủ, nghĩa nói riêng bảy thứ, đối với Tài thì không như thế, hai loại sau thì Ý thức tương ứng.

Trong phần thứ hai là giải thích nghĩa khó, phân làm ba đoạn:

1. Giải thích chỗ học của thế tục, ba thứ Thí, Giới và Tu, dạy thế tục tu tập.

2. “Lại nữa, Thọ thí...” trở xuống, giải thích Nội thắng nghĩa. Học ba Tuệ là xứng với thọ Thí của người kia, giáo đáng nên thọ.

3. “Lại có sáu thứ Nhiếp ích...” trở xuống, giải thích Thức thứ bảy và Thức thứ tám, Trí đức và Ân đức ở trên.

Trừ thiếu thốn, là Thí để vì trừ sự thiếu thốn vật dụng nuôi dưỡng của người khác, không phải thí cho sự giàu có của người kia. Bắc cầu là nhân ra khỏi sông sinh tử. Không hiện hạnh là ẩn nắp hành trì giới luật không hiện ra tướng. Dục giải tịnh là Ý ưa tịnh. Dẫn nhiếp tịnh là khởi thân thông. Thắng giải định tịnh là tu bốn Vô lượng tịnh. Trí tịnh là sinh Tịnh trí.

- Thọ thí trong sáu thứ Thọ thí:

1. Thọ học, là khi học Tam học, phải nên thọ Thí.

2. Hoạt mạng, là lúc mau mau tế độ mạng.

3. Khí xả, là muốn thọ thí phân rõ xả bỏ Lạc.

4. Tự mình đã không có vật thì nên thọ người khác bố thí, nếu không như thế thì không có chứng đắc.

5. Hạn chế vui chơi, nếu không có chỗ cư trú thì nên thọ giúp đỡ chỗ cần thiết.

6. Đam trước, là xan tham tích trữ, luyến ái mà thọ thí. Năm loại trước là nên thọ, một loại sau thì không nên.

Tám Tổn nã, do Tổn nã này khó lấy được an ổn, nên thọ thí của người khác. Hữu phú chương là tuy có nhà cửa, nhưng có nhiều sự thiếu thốn, cho nên sinh ra tổn nã.

Trong sáu Tổn nã. Câu sinh là có thân thì nhiễm bệnh. Bức thiết là Khổ sau trôi buộc thân. Thời biến dị là thời tiết nóng lạnh thay đổi. Lưu lậu là nhà cửa hư hoại. Sự hữu phước là không có lối tắt của nghiệp để cầu. Như những tổn nã này thì nên thọ thí của người khác.

Trong giải thích Thức thứ bảy và Thức thứ tám, Trí đức và Ân đức trên phân làm năm đoạn:

1. Nhậm trì là cho làm y chỉ. Dũng kiện vô tổn là uy thế dẫn tiếp. Phú hộ là che giấu lầm lỗi.

2. Trong Chi và Tướng của thiện và ác dẫn Phi ái kia là yêu ái oan gia kia. Ngăn trách Sở ái kia là ganh tị trí hữu kia. Dẫn chỗ không nên là dùng phi pháp để hiếp người.

3. Trong Dẫn tiếp, dẫn nhiếp Ly hỷ lạc là chứng đắc Định thứ tư và chứng Vô vi.

4. Tùy chuyển cúng sự, là cúng sự đối với người kia mà tùy người kia chuyển. Phi tri cự là không phải cùng biết nhau, cũng không phải quen biết xưa. Chính tùy chuyển là không phải người kia lúc trước nhiếp thuộc cúng sự tùy chuyển.

5. Do cúng sự này nương vào bốn Xứ mà chứng đắc năm quả. Không có nhiếp thọ xứ, tức là Phi tri cự, vì trước không phải nhiếp thọ. Không có xâm nã xứ, tức là các bạn thân. Bồ xứ cúng dường xứ tức là chỗ tôn trọng. Đồng phạm tùy chuyển xứ, tức là bậc phước tuệ. Do có đủ phước tuệ, là chỗ cúng dường quy thú của nhiều người. Đã quy thú rồi thì hy vọng học tu phước tuệ và cùng với kia phân Đồng danh đồng phạm tùy chuyển. Đắc năm quả là đối với bốn Xứ cúng sự tùy chuyển mà hành bố thí.

Tổng đạt năm quả, không phải mỗi mỗi quả đều chiêu cảm riêng. Hoặc quả thứ ba, thứ tư do cúng sự, quả thứ tư có đủ phước tuệ, là chỗ đạt được của Đồng phạm tùy chuyển. Ngoài ra như thứ tự mà phối hợp, nghĩa của nó cũng có thể biết. Đối với thiện quyết định, tin mà không nghi ngờ; đối với thiện kiên cố, dũng mà không Thoái chuyển. Giới thì lấy tất cả giới, Định thì lấy tất cả Định, Tuệ thì lấy tất cả Tuệ làm Thể của Tam học, mỗi mỗi đều tùy theo tự thừa, nhưng không có tạp loạn, y theo cương vị thứ tự của nó, lần lượt mà tu, cũng không phải thác loạn. Hoặc nương vào loạn vượt qua, thì chỗ nói tu Tam học liền bất định.